

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 269/2019/DS-PT

Ngày 29- 8 - 2019

V/v tranh chấp về dân sự -

Quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên Hiệp

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Ông Phạm Ngọc Giao

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Hương, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Bạch Nga, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 31/7/2019, ngày 14/8/2019 và ngày 29/8/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2019/TLPT- DS ngày 04 tháng 6 năm 2019 về Tranh chấp “V/v Tranh chấp về dân sự – Quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 279/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Số nhà 500, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1973 (Có mặt). Địa chỉ: Số nhà 78, ấp P, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền vào ngày 03/01/2018).

Bị đơn: Nguyễn Văn H, sinh năm 1936;

Địa chỉ: Số nhà 501, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông Nguyễn Tuấn N, sinh năm 1987 (Có mặt). Địa chỉ: Số nhà 355A, khóm 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền vào ngày 13/5/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn E (Có mặt) – Chi nhánh Văn phòng Luật sư X thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện L (Có đơn xin vắng mặt);

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Hữu M. Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L.

Địa chỉ trụ sở: Quốc lộ 80, khóm 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Trương Thị R, sinh năm 1949;

3. Nguyễn Thị D, sinh năm 1977;

4. Nguyễn Thị K, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Số nhà 501, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà R, chị D và chị K: Ông Nguyễn Tuấn N, sinh năm 1987 (Có mặt). Địa chỉ: Số nhà 355A, khóm 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền vào ngày 13/5/2019)

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T là nguyên đơn của vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo Đơn khởi kiện vào ngày 07/11/2017 của ông Nguyễn Văn T, trong quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, ông T có ông Đ1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Nguyễn Văn Đ2, ông Nguyễn Cao H1 và ông Nguyễn Văn C là anh em ruột.

Ông Đ2 có hai con gái là bà Nguyễn Thị K1 và bà Nguyễn Thị T1. Chồng của bà T1 là ông Đỗ Phú N1. Bà K1 và bà T1 lập gia đình ở xa và về bên gia đình chồng sống. Đất của ông Đ2 không ai sử dụng.

Ông Nguyễn Cao H1 là cha ruột của ông Nguyễn Văn B1, là ông nội của ông Nguyễn Văn T.

Ông Nguyễn Văn C là cha ruột của ông Nguyễn Văn T2. Bà Văng Thị C1 là vợ của ông T2. Ông Nguyễn Văn H là con nuôi của ông T2.

Nguồn gốc đất đang tranh chấp giữa ông T với ông H là của ông Nguyễn Văn Đ2. Vì con của ông Đ2 không sử dụng đất nên ông Nguyễn Văn Đ2 để lại đất cho ông H1 sử dụng. Vào năm 1943, ông H1 để lại đất nói trên cho ông T2. Ông T2 sử dụng đất này đến năm 1972 thì ông T2 chết. Sau khi ông T2 chết, bà C1 là vợ ông T2 tiếp tục sử dụng đất. Tổng diện tích đất của ông Đ2 cho lại ông H1 và đến khi ông T2 sử dụng, ông T không biết diện tích cụ thể là bao nhiêu.

Vào năm 1982, bà C1 cho ông T một diện tích đất như đã đo đạc thực tế của Tòa án là 67.5m² (Hiện nay ông T đã cất nhà sử dụng).

Sau khi bà C1 cho đất, ông T cất nhà ở. Đến năm 1983, ông T có hỏi bà C1 xin thêm diện tích đất phía sau là 42.8m² (diện tích đất tranh chấp) để sử dụng cất chuồng heo. Bà C1 đồng ý nên ông T cất chuồng nuôi heo. Đến năm 1990, ông T không nuôi heo nữa và sửa lại thành nhà bếp có kết cấu: khung gỗ tạp, mái lá, nền đất. Ông T sử dụng đến khoảng năm 2017, nhà bếp bị sập nên ông T đã thu dọn, hiện nay không còn mà chỉ còn lại nền đất.

Trước đây, ông H không sống chung với ông T2 và bà C1. Đến năm 1982, ông H về sống chung với bà C1. Năm 1986, bà C1 chết. Sau khi bà C1 chết, ông H tiếp tục sử dụng toàn bộ diện tích đất do ông T2 và bà C1 để lại. Khi ông H về sống chung với bà C1, ông H cũng không có tranh chấp, cản trở việc ông T sử dụng đất.

Diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 51, tờ bản đồ số 30 (Theo bản đồ 299 thuộc thửa số 426a, tờ bản đồ số 02a và thửa số 426b, tờ bản đồ số 02, thửa khoanh bao).

Vào ngày 27/11/1991, ông Nguyễn Văn H được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 9.060m² trong đó có thửa số 426a, tờ bản đồ 02a (diện tích 300m², mục đích sử dụng T và diện tích 310m² mục đích sử dụng LNK) và thửa số 426b, tờ bản đồ 02, diện tích 1.750m², mục đích sử dụng LNK. Đất tọa lạc tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Đến năm 1997, ông Phạm Văn S1 và bà Dương Thị P2 có khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện L về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H là không đúng. Theo Quyết định số 876/2000/QĐ.UB ngày 14/8/2000 của Ủy ban nhân dân huyện L V/v Thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H tại thửa số 426a, tờ bản đồ 02a và thửa số 426b, tờ bản đồ 02 với lý do đất tranh chấp và sai diện tích đo đạc thực tế.

Khoảng tháng 08/2017 (âm lịch), ông H dùng rào lưới B40 để rào lại khoảng đất trống có nền nhà bếp của ông T và không cho ông T tiếp tục sử dụng đất.

Nay ông Nguyễn Văn T, có ông Đ1 đại diện theo ủy quyền yêu cầu ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ tháo dỡ rào lưới B40 trả lại cho ông T diện tích đất do ông H lấn chiếm là 42.8m² thuộc một phần thửa số 426a, tờ bản đồ 02a và thửa số 426b, tờ bản đồ số 02 (Theo bản đồ địa chính chính quy thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 30). Hiện nay, diện tích đất tranh chấp chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai.

* Theo Bản trình bày ý kiến ngày 24/12/2018 của ông Nguyễn Văn H và Theo Biên bản lấy lời khai của đương sự của Tòa án nhân dân huyện L đối với ông Nguyễn Văn H vào ngày 04/01/2019, trong quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, ông H có ông N đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Nguyễn Văn T2 và bà Văng Thị C1 là cha mẹ ruột của ông Nguyễn Văn H.

Nguồn gốc đất đang tranh chấp giữa ông H và ông T là của ông T2 và bà C1. Ông T2 và bà C1 để lại toàn bộ diện tích đất cho ông H quản lý sử dụng, diện tích đất cụ thể là bao nhiêu ông H không xác định được.

Ông T2 chết năm 1972. Bà C1 chết năm 1985, không để lại di chúc.

Trước khi bà C1 chết, ông H không nhớ thời gian cụ thể, bà C1 có cho ông T cất nhà ở nhờ trên diện tích đất mà hiện nay có căn nhà của ông T.

Khoảng năm 1990, ông T có hỏi xin ông H cất tạm chuồng để nuôi heo trên diện tích đất tranh chấp. Ông H thấy hoàn cảnh kinh tế của ông T khó khăn nên ông H đồng ý với điều kiện: Ông T nuôi heo đến khi bán xong phải tháo dỡ, dọn dẹp chuồng trại để trả lại đất cho ông H. Nhưng sau khi ông T không còn nuôi heo, tiếp tục làm lại nhà bếp để sử dụng mà không trả đất cho ông H.

Diện tích đất thuộc một phần của thửa đất số 51, tờ bản đồ số 30 (Theo bản đồ 299 là thửa số 426a, tờ bản đồ số 02a và thửa số 426b, tờ bản đồ số 02, thửa khoanh bao) tọa lạc tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Vào ngày 27/11/1991, ông Nguyễn Văn H được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 9.060m² trong đó có thửa số 426a, tờ bản đồ 02a (diện tích 300m², mục đích sử dụng T và diện tích 310m² mục đích sử dụng LNK) và thửa số 426b, tờ bản đồ 02 diện tích 1.750m², mục đích sử dụng LNK. Nhưng theo Quyết định số 876/2000/QĐ.UB ngày 14/8/2000 của Ủy ban nhân dân huyện L V/v Thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H tại thửa số 426a, tờ bản đồ 02a và thửa số 426b, tờ bản đồ 02 với lý do đất tranh chấp và sai diện tích đo đạc thực tế.

Đến năm 2003, ông T sửa lại nhà và định lấn chiếm thêm đất mà bà C1 cho cất nhà ở. Vì vậy, ông H đã tranh chấp với ông T và được Ủy ban nhân dân xã Đ hòa giải. Khi hòa giải và giải quyết, ông T thống nhất không lấn chiếm thêm diện tích đất nào khác, giữ nguyên diện tích cất nhà trên nền đất cũ là 66.5m².

Đến cuối năm 2017, ông T đã gửi Đơn tranh chấp đất với ông H tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Khi xã hòa giải, ông H và ông T không thỏa thuận được với nhau. Sau đó, ông H đã trồng trụ đá và dùng lưới B40 rào đất tranh chấp lại như hiện nay. Việc ông H rào đất tranh chấp có sự chứng kiến của anh H2, là con của ông T.

Nay ông Nguyễn Văn H, có ông N đại diện theo ủy quyền không đồng ý tháo dỡ rào lưới B40 trả lại cho ông T diện tích đất 42.8m² vì đất tranh chấp là do ông T hỏi ông H sử dụng nhờ (tạm). Ông H chỉ đồng ý cho ông T tiếp tục sử dụng diện tích đất có căn nhà là 66.5m² thuộc một phần thửa đất số 51, tờ bản đồ số 30 (Theo bản đồ 299 là thửa số 426a, tờ bản đồ số 02a và thửa số 426b, tờ bản đồ số 02, thửa khoanh bao), đất tọa lạc tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

* Ý kiến, trình bày và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Nguồn gốc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 30 (Theo bản đồ 299 là thửa số 426a, tờ bản đồ số 02a và thửa số 426b, tờ bản đồ số 02, thửa khoanh bao), đất tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là của ông Nguyễn Văn T2 và

bà Văng Thị C1 là cha mẹ ruột của ông Nguyễn Văn H. Diện tích đất tranh chấp là 42.8m². Diện tích đất này tuy chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ai nhưng dựa vào các tài liệu, chứng cứ pháp lý thì diện tích đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông H.

Ông T được xây cất chuồng để nuôi heo trên diện tích đất này là do ông H cho ông T cất nhờ. Ông T cho rằng diện tích đất tranh chấp này, bà C1 cho ông T nhưng không có giấy tờ và không có ai biết nên không có căn cứ. Đồng thời, ông T cũng không có chứng cứ nào khác để chứng minh diện tích đất tranh chấp 42.8m² bà C1 đã cho ông T.

Từ những phân tích nói trên, tôi đề nghị: Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông Nguyễn Văn T về việc ông T yêu cầu ông Nguyễn Văn H tháo dỡ rào lưới B40 để trả lại diện tích đất 42,8m² cho ông T. Đất tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

* Tại Quyết định Bản án sơ thẩm số 23/2019/DS – ST, ngày 02/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Văn H.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn T nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Văn T đã nộp theo biên lai số 02065, ngày 24/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Ông Nguyễn Văn T không phải nộp thêm.

3. Về chi phí đo đạc, định giá: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 3.126.000 đồng, số tiền 3.126.000 đồng này ông T đã tạm nộp chi xong, ông T không phải nộp thêm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/4/2019, ông Nguyễn Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Ông Nguyễn Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ông T yêu cầu ông H trả cho ông diện tích đất ông H tự ý lấn chiếm là 26.5m², đây là lối đi từ nhà chính đến nhà bếp và diện tích đất là 12.2m² sử dụng làm nhà bếp (chuồng heo cũ) thuộc một phần thửa đất số 262a, tờ bản đồ số 02a. Đất tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Diện tích đất nói trên hiện do ông T đang quản lý, sử dụng.

Ngoài ra, ông T còn yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết phần án phí, chi phí đo đạc theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn H, có ông Nguyễn Tuấn N đại diện theo ủy quyền không đồng ý với nội dung trình bày và kháng cáo của ông T.

Qua chứng cứ thể hiện tại hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa cho thấy:

[1] Nguồn gốc của diện tích đất tranh chấp:

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 51, tờ bản đồ số 30 là của ông, bà để lại cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T2 và bà Văng Thị C1. Ông T2 và bà C1 là cha mẹ của ông Nguyễn Văn H. Ông T2 chết vào năm 1972. Bà C1 chết vào năm 1985. Ông H thừa nhận: Vào khoảng năm 1982, khi bà C1 còn sống có cho ông Nguyễn Văn T sử dụng một diện tích đất có chiều ngang 3.5 mét, chiều dài 19 mét (hiện trạng đo đạc thực tế là 67.5m²) để cất nhà ở.

Ông T cho rằng: Năm 1983, sau khi ông T cất nhà ở, ông T có xin bà C1 thêm một diện tích đất ở phía sau nhà chính để cất chuồng nuôi heo. Qua xem xét, thẩm định tại chỗ diện tích đất ông T xin bà C1 sử dụng là 42.8m². Ông T sử dụng diện tích đất này để cất chuồng nuôi heo, sau đó làm lại nhà bếp sử dụng từ năm 1983 đến năm 2017. Đến ngày 07/8/2017 (âm lịch), ông H dùng lưới B40 rào chắn giữa nhà chính và diện tích đất tranh chấp. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu ông H trả lại diện tích đất nói trên.

Ông H không đồng ý với lời trình bày của ông T. Ông H không thừa nhận việc mẹ ruột ông là bà Văng Thị C1 cho ông T thêm diện tích đất là 42.8m² hiện nay đang tranh chấp.

Xét thấy: Nội dung trình bày của ông T không được ông H thừa nhận. Đồng thời, khi xảy ra tranh chấp, bà Văng Thị C1 và các ông, bà biết rõ nguồn gốc đất tranh chấp đều đã chết hoặc vì tuổi già nên họ không còn nhớ được nội dung như ông T đã trình bày. Khi khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, ông T thừa nhận nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Văn T2 và bà Văng Thị C1. Ông T cho rằng, diện tích đất 42.8m² ông T được bà C1 cho thêm sử dụng cất chuồng nuôi heo nhưng ông T không có giấy tờ, tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

Bên cạnh đó, trong quá trình phát sinh tranh chấp giữa ông H và ông T từ năm 1999 cho đến năm 2017 thể hiện tại Biên bản hòa giải ngày 22/02/2013 của Ủy ban nhân dân xã Đ: Ông T đã thống nhất được sử dụng diện tích đất có căn nhà chính với chiều ngang 3.5 mét, chiều dài 19 mét, tổng diện tích đất là 66.5m².

[2] Tại Sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp ngày 15/7/2019, thực hiện theo Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thể hiện diện tích đất 67.50m² hiện nay hộ ông Nguyễn Văn T đang sử dụng: Chiều ngang (đo từ mốc M9 đến mốc M10) cạnh 4.26 mét, chiều ngang (đo từ mốc M1 đến mốc M8) cạnh 3.7 mét, chiều dài (đo từ mốc M1 đến mốc M10) cạnh 13.96 mét, chiều dài (đo từ mốc M8 đến mốc M9) cạnh 16.70 mét. Ngoài diện tích đất nói trên còn có diện tích đất giáp đường đal có chiều dài là 02 mét.

Như vậy, diện tích đất hiện nay do hộ ông T sử dụng nhiều hơn diện tích đất ngày 22/02/2013 ông T thống nhất và yêu cầu được sử dụng.

Tại Đơn kháng cáo ngày 12/4/2019, ông T trình bày: hiện nay ông đang sử dụng diện tích đất tranh chấp.

Nhưng Tại Biên bản xem xét hiện trạng diện tích đất tranh chấp ngày 20/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thể hiện: Hiện nay, diện tích đất tranh chấp chỉ có một mô đất do ông H đắp và trồng 01 cây xoài khoảng 02 tháng tuổi, ngoài ra không có ai sử dụng, diện tích đất còn lại trống.

[3] Chứng cứ về nguồn gốc đất tranh chấp:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm ông Nguyễn Văn T có Đơn yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng để xác định việc sử dụng diện tích đất tranh chấp. Tuy nhiên, qua lời khai của những người làm chứng không xác định ai là người cho ông T diện tích đất tranh chấp.

Tuy ông T có thời gian dài sử dụng diện tích đất tranh chấp, tôn cao nền đất có diện tích 12.2m² để cất chuồng nuôi heo, sau đó sử dụng làm nhà bếp. Nhưng ông T không còn giấy tờ, tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh về việc bà Văng Thị C1, là mẹ ông H cho ông T diện tích đất tranh chấp.

[4] Đối với diện tích đất tranh chấp 42.8m², ông Nguyễn Văn T trình bày trước đây là phần nương lạn thoát nước, ông T và gia đình ông có chở đất bồi đắp lên diện tích đất này.

Ông Nguyễn Văn H không đồng ý việc ông T có chở đất bồi đắp lên phần nương lạn này. Ông H cho rằng do lá cây rụng và phần đất ở hai bên bị lở xuống nương nên đã bồi đắp hết nương lạn trước đây.

Tuy nhiên, trong quá trình khởi kiện và giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông T không có yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét và giải quyết đối với việc bồi đắp đất nói trên. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không thể xem xét và giải quyết đối với nội dung do ông T trình bày. Ông Nguyễn Văn T có thể khởi kiện ông Nguyễn Văn H đối với yêu cầu này thành một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[5] Những thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm:

- Việc tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ chưa đầy đủ và chưa xác định cụ thể các vị trí đất do đương sự trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ (chứng cứ do Tòa án thu thập) chưa đầy đủ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đã thống nhất việc Tòa án cấp phúc thẩm cho các đương sự tiếp cận, công khai chứng cứ đã thiếu sót nói trên. Thiếu sót này không làm thay đổi nội dung của vụ án.

- Theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

quy định: Miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án đối với người cao tuổi theo quy định của pháp luật. Ông NGuyễn Văn T, sinh năm 1959 (60 tuổi) là đối tượng được xem xét miễn nộp án phí Tòa án theo quy định nói trên nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét.

Với những thiếu sót nói trên, Tòa án cấp sơ thẩm cần khắc phục và rút kinh nghiệm.

[6] Từ những nhận xét nói trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông NGuyễn Văn T kháng cáo yêu cầu ông NGuyễn Văn H trả cho ông T diện tích đất ông H tự ý lấn chiếm là 26.5m², đây là lối đi từ nhà chính đến nhà bếp và diện tích đất là 12.2m² sử dụng làm nhà bếp (chuồng heo cũ) thuộc một phần thửa số 262a, tờ bản đồ số 02a. Đất tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là không có căn cứ và không phù hợp nên không chấp nhận.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông NGuyễn Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án quy định: Miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án đối với người cao tuổi theo quy định của pháp luật. Ông NGuyễn Văn T, sinh năm 1959 (60 tuổi) là đối tượng được xem xét miễn nộp án phí Tòa án theo quy định nói trên. Vì vậy, ông T được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Xét lời trình bày và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông NGuyễn Văn H là phù hợp và có căn cứ nên chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết: Sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông NGuyễn Văn T, ông T được tiếp tục sử dụng diện tích đất là 12.2m² và phải trả giá trị diện tích đất là 30.6m² theo giá trị đất đã được Hội đồng định giá (90.000 đồng/m²), thành tiền là 2.754.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Đề nghị của Viện kiểm sát là chưa phù hợp và chưa có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 148, Điều 293 và Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 101, Điều 166 và Điều 203 của Luật đất đai 2013;

Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện L.

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả cho ông T diện tích đất ông H tự ý lấn chiếm là 26.5m² là lối đi từ nhà chính đến nhà bếp và diện tích đất là 12.2m² sử dụng làm nhà bếp (chuồng heo cũ) thuộc một phần thửa số 262a, tờ bản đồ số 02a (Theo bản đồ địa chính chính quy thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 30). Đất tọa lạc tại ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn T được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 02065 ngày 24/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Nguyễn Văn T được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000256 ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng là 4.576.000 đồng (Bốn triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), trong đó bao gồm chi phí khảo sát hiện trạng tại Tòa án cấp phúc thẩm ngày 20/8/2019 là 1.450.000 đồng (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), ông Nguyễn Văn T phải chịu toàn bộ. Tổng cộng số tiền 4.576.000 đồng, ông T đã tạm ứng và chi xong.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND H.L;
- Chi cục THADS H.L;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Liên Hiệp